

Số: 26/2020/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 04 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển
sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 65/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định về tiêu chí trang trại;

Xét Tờ trình số 262/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 276/BC-KTNS ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết; quy định hướng dẫn trình tự, thủ tục hỗ trợ cho từng chính sách cụ thể.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân; các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XV, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai. /

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội; Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. TU; HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND; UBND các huyện, TX, TP;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Công báo Lào Cai; Báo Lào Cai;
- Đài PT-TH; Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CV, TH.



Đặng Xuân Phong

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND
ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
2. Những chính sách về khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai không quy định trong văn bản này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã (HTX), liên hiệp Hợp tác xã, doanh nghiệp (*sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân*) tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai; phù hợp với quy hoạch, chương trình, đề án, kế hoạch trung hạn, hàng năm hoặc được phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ được quy định tại Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Tỉnh Lào Cai khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp bằng hình thức hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư hoặc hỗ trợ lãi suất vốn vay.
2. Trong cùng một thời gian, nếu nội dung hỗ trợ thuộc diện được hưởng của nhiều chính sách khác nhau, đối tượng thụ hưởng được hỗ trợ như sau:
 - a) Cùng nội dung hưởng chính sách của Trung ương và địa phương. Nếu mức hỗ trợ theo chính sách của Trung ương lớn hơn mức hỗ trợ theo chính sách của địa phương, thì thực hiện hỗ trợ theo chính sách của Trung ương. Nếu mức hỗ trợ theo chính sách của địa phương cao hơn sẽ hỗ trợ phần chênh lệch so với chính sách của Trung ương để đảm bảo mức hỗ trợ theo quy định của chính sách này.
 - b) Trường hợp cùng nội dung hỗ trợ thuộc các chính sách khác nhau của địa phương, thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

c) Trường hợp một dự án được hưởng nhiều nội dung hỗ trợ của chính sách thì tổ chức, cá nhân được hưởng các nội dung hỗ trợ tương ứng.

3. Các sản phẩm sản xuất phải đảm bảo yêu cầu về chất lượng và an toàn vệ sinh theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

Điều 4. Cơ chế hỗ trợ

1. Hỗ trợ đầu tư: Đối với chính sách phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm (*hỗ trợ vật tư, vắc xin, hóa chất, trang thiết bị phòng, chống dịch bệnh*); hỗ trợ các xã, phường, thị trấn xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh.

2. Hỗ trợ sau đầu tư

a) Đối với các chính sách hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ tích tụ đất đai, hỗ trợ thuê lao động cho HTX: Thực hiện hỗ trợ hàng năm, bắt đầu từ năm đầu tiên đủ điều kiện hỗ trợ cho đến khi hết thời hạn hỗ trợ.

b) Đối với các chính sách còn lại, tổ chức, cá nhân được lựa chọn một trong hai phương thức: Hỗ trợ một lần 100% kinh phí sau khi đã hoàn thành nội dung đề nghị hỗ trợ và được nghiệm thu theo quy định; hoặc hỗ trợ theo tiến độ, lần một hỗ trợ 70% kinh phí sau khi hạng mục đầu tư chính của nội dung đề nghị hỗ trợ đã hoàn thành, lần hai hỗ trợ 30% kinh phí còn lại khi toàn bộ nội dung đề nghị hỗ trợ đã hoàn thành, được nghiệm thu theo quy định.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định hỗ trợ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ đối với kế hoạch, phương án, dự án được thực hiện trên địa bàn 02 huyện, thị xã, thành phố trở lên.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hỗ trợ đối với kế hoạch, phương án, dự án triển khai thực hiện trên địa bàn huyện mình sau khi có ý kiến thẩm định của các sở, ngành liên quan.

3. Mức phân bổ kinh phí, tiêu chí phân bổ kinh phí hàng năm cho các huyện, thành phố do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 6. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị vật nuôi là đơn vị quy đổi của gia súc, gia cầm theo khối lượng sống, không phụ thuộc vào giống, tuổi và giới tính. Mỗi đơn vị vật nuôi tương đương với 500 kg khối lượng vật nuôi sống.

2. Lợn bản địa hậu bị là giống lợn hình thành và tồn tại ở địa bàn tỉnh Lào Cai.

3. Liên vùng là các thôn, tổ dân phố, xã, phường, thị trấn có vị trí địa lý gần nhau về không gian trong cùng một huyện, thị xã, thành phố trong phạm vi không quá 10 km.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 7. Hỗ trợ lãi suất vốn vay

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Doanh nghiệp được hỗ trợ lãi suất vốn vay khi đầu tư dự án thuộc Danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ lãi suất vốn vay khi đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp; sản phẩm chủ lực; xây dựng trang trại sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản.

2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 01 lần lãi suất vốn vay trong hạn mức của các tổ chức, cá nhân tại các tổ chức tín dụng hợp pháp trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể:

a) Hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay trên địa bàn các huyện Bắc Hà, Mường Khương, Si Ma Cai, thị xã Sa Pa.

b) Hỗ trợ 50% lãi suất vốn vay trên địa bàn các huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Bát Xát, Văn Bàn, thành phố Lào Cai.

3. Hạn mức vốn vay, thời gian hỗ trợ lãi suất:

a) Đối với các dự án thuộc đối tượng khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn: Hạn mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 70% tổng mức đầu tư của dự án, nhưng không quá 10 tỷ đồng. Thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời hạn vay thực tế nhưng không quá 18 tháng đối với dự án trồng cây hàng năm, chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm; 36 tháng đối với chăn nuôi đại gia súc; 60 tháng đối với trồng cây lâu năm. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

b) Đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp: Hạn mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 50% tổng mức đầu tư, nhưng không quá 500 triệu đồng/cơ sở. Thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời hạn vay thực tế nhưng không quá 36 tháng.

c) Đối với sản xuất, phát triển sản phẩm chủ lực: Đối với cây trồng hàng năm: Hạn mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 20 triệu/ha, thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời hạn vay thực tế nhưng không quá 18 tháng; đối với cây trồng lâu năm: Hạn mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 50 triệu/ha, thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời hạn vay thực tế nhưng không quá 60 tháng; đối với phát triển chăn nuôi gia súc: Hạn mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 70% tổng mức đầu tư của dự án nhưng không quá 10 tỷ đồng, thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời hạn vay thực tế nhưng không quá 18 tháng đối với chăn nuôi lợn, 36 tháng đối với chăn nuôi đại gia súc.

d) Đối với các trang trại sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: Hạn mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 70% tổng mức đầu tư của dự án nhưng không

quá 01 tỷ đồng/trang trại. Thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời hạn vay thực tế nhưng không quá 18 tháng đối với trang trại trồng cây hàng năm, chăn nuôi lợn, gia cầm; 24 tháng đối với trang trại tổng hợp, nuôi trồng thủy sản; 36 tháng đối với trang trại chăn nuôi đại gia súc; tối đa 60 tháng đối với trang trại cây lâm nghiệp, cây lâu năm.

4. Điều kiện hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ lãi suất khi có hợp đồng vay vốn, được các tổ chức tín dụng giải ngân cho vay và sử dụng vốn vay đúng mục đích. Đồng thời, phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm a, b, c, d khoản này:

a) Doanh nghiệp đầu tư các dự án thuộc danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh được hỗ trợ khi: Được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; sản xuất trồng trọt, chăn nuôi đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật về cây, con giống và yêu cầu về mật độ, quy mô theo quy định hiện hành.

b) Tổ chức, cá nhân đầu tư các dự án đầu tư xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp được hỗ trợ khi dự án có tổng mức đầu tư tối thiểu 300 triệu đồng/cơ sở.

c) Tổ chức, cá nhân sản xuất, phát triển các sản phẩm chủ lực được hỗ trợ khi sản xuất trồng trọt, chăn nuôi phải đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật cây, con giống và yêu cầu về mật độ theo quy định hiện hành. Đảm bảo quy mô tối thiểu: 1,0 ha đối với cây hàng năm; 0,5 ha đối với cây lâu năm, 10 ha đối với cây lâm nghiệp và thuộc kế hoạch được Ủy ban nhân cấp huyện phê duyệt hàng năm; 10 đơn vị vật nuôi đối với chăn nuôi; 1,0 ha đối với nuôi thủy sản ao hồ nhỏ; 500 m³ thể tích lồng, bể nuôi đối với nuôi thủy sản lồng bè; 1.000m³ thể tích bồn bể đối với nuôi thủy sản nước lạnh.

d) Tổ chức, cá nhân xây dựng trang trại nông, lâm nghiệp và thủy sản được hỗ trợ khi đáp ứng đủ các điều kiện: Sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản phải đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật cây, con giống và yêu cầu về mật độ, quy mô theo quy định. Có biên bản kiểm tra của cơ quan chuyên môn Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận trang trại đã thực hiện đúng các quy định hiện hành về tiêu chí kinh tế trang trại.

5. Cơ chế hỗ trợ lãi suất: Hàng năm, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện chuyển trả trực tiếp số tiền hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức tín dụng cho vay.

Điều 8. Hỗ trợ tích tụ đất đai

1. Các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất nông nghiệp có tích tụ đất đai theo hình thức thuê lại đất của hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ tiền thuê đất cho 05 năm đầu, mức hỗ trợ theo hợp đồng thuê thực tế nhưng không quá 15 triệu/ha/năm.

2. Điều kiện hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân thuê lại đất nông nghiệp hợp pháp để sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với phương án sản

xuất; hợp đồng thuê đất tối thiểu 05 năm liên tiếp, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Cơ chế hỗ trợ: Hỗ trợ hàng năm, thực hiện sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành tích tụ đất đai đưa vào sản xuất.

Điều 9. Hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp

1. Mỗi hợp tác xã được hỗ trợ 01 lần thuê 01 lao động làm việc tại hợp tác xã; mức hỗ trợ bằng 01 lần mức lương tối thiểu vùng tại địa bàn làm việc; thời hạn hỗ trợ 60 tháng/01 hợp tác xã.

2. Điều kiện hỗ trợ:

a) Hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã; duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên; sử dụng ít nhất 30% lao động tại địa phương.

b) Lao động tuyển dụng có trình độ từ cao đẳng trở lên, chuyên ngành kế toán hoặc có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hợp tác xã; có hợp đồng lao động theo quy định của Luật Lao động.

3. Cơ chế hỗ trợ: Thực hiện chi trả hỗ trợ sau mỗi năm, từ khi hợp tác xã có hợp đồng và chính thức sử dụng lao động (không tính lao động thử việc).

Điều 10. Hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP đạt chứng nhận

1. Tổ chức, hộ sản xuất có sản phẩm OCOP đạt chứng nhận được hỗ trợ như sau:

a) Đối với sản phẩm OCOP đạt chứng nhận cấp tỉnh: Hỗ trợ 15 triệu đồng/sản phẩm 3 sao; 30 triệu đồng/sản phẩm 4 sao.

b) Đối với sản phẩm OCOP đạt chứng nhận cấp quốc gia: Hỗ trợ 80 triệu đồng/sản phẩm 5 sao.

c) Khi các sản phẩm được chứng nhận nâng hạng thì sẽ được hỗ trợ tiếp phần chênh lệch tăng thêm tương ứng với hạng được chứng nhận với hạng đã được hỗ trợ trước đó.

2. Đối tượng được hỗ trợ phải đáp ứng đủ các điều kiện: Có giấy phép đăng ký sản xuất, kinh doanh phù hợp với sản phẩm OCOP được công nhận; có giấy chứng nhận sản phẩm OCOP. Ngoài ra, đối với sản phẩm OCOP đạt chứng nhận cấp quốc gia phải được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

3. Cơ chế hỗ trợ: Hỗ trợ một lần Sau khi được cấp chứng nhận sản phẩm OCOP.

Điều 11. Hỗ trợ kinh phí cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất hữu cơ trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ một lần 100% kinh phí cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ (cấp lần đầu hoặc cấp lại) nhưng không quá 50 triệu đồng/01 giấy chứng nhận.

2. Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đảm bảo quy mô tối thiểu: 30 đơn vị vật nuôi đối với chăn nuôi gia súc, gia cầm; 0,5 ha đối với nuôi thủy sản ao hồ nhỏ; 200 m³ thể tích lồng, bể đối với nuôi thủy sản lồng bè hoặc bể thủy sản nước lạnh; 05 ha đối với cây trồng nông nghiệp hàng năm, 10 ha đối với cây lâu năm; 30 ha đối với cây lâm nghiệp.

b) Có biên bản kiểm tra của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã; có cam kết bảo vệ môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường, hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

c) Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác sản xuất sản phẩm hữu cơ phải có kết quả tự đánh giá nội bộ đạt yêu cầu TCVN về nông nghiệp hữu cơ và giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ được cấp lần đầu (đối với trường hợp đề nghị cấp lại).

3. Cơ chế hỗ trợ: Hỗ trợ sau khi được cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ.

Điều 12. Hỗ trợ xây dựng cơ sở chế biến, bảo quản nông sản; cơ sở giết mổ tập trung quy mô nhỏ và sản xuất phân bón hữu cơ

1. Hỗ trợ cơ sở chế biến nông sản

a) Các tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai được hỗ trợ một phần kinh phí để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, xử lý nước thải, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án. Mức hỗ trợ 60% kinh phí đầu tư nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án.

b) Cơ sở được hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện: Được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong trường hợp dự án thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; đảm bảo các điều kiện, quy định về bảo vệ môi trường; giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 1,5 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu; công suất tối thiểu 05 tấn nông sản/ngày, đêm.

2. Hỗ trợ cơ sở bảo quản nông sản

a) Các tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở bảo quản nông sản sản xuất trong tỉnh (chiếu xạ, khử trùng, đóng gói, đông lạnh, bảo quản sinh học) được hỗ trợ kinh phí để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, xử lý nước thải, nhà xưởng và mua thiết bị. Mức hỗ trợ 70% kinh phí đầu tư nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án.

b) Cơ sở được hỗ trợ phải đáp ứng đủ các điều kiện: Thể tích tối thiểu đạt 1.000 m³; đảm bảo các điều kiện, quy định về bảo vệ môi trường.

3. Hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ tập trung quy mô nhỏ

a) Các tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở giết mổ tập trung quy mô nhỏ được hỗ trợ kinh phí để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện,

nước, nhà xưởng và mua thiết bị. Mức hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư, nhưng không quá 01 (một) tỷ đồng/01 cơ sở.

b) Cơ sở được hỗ trợ phải đáp ứng đủ các điều kiện: Xây dựng trong khu quy hoạch giết mổ gia súc, gia cầm tập trung hoặc có quyết định chấp thuận cho phép đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt; bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật; công suất hoạt động tối thiểu 10 con gia súc/ngày đêm, hoặc 200 con gia cầm/ngày đêm, hoặc 5 con gia súc và 100 con gia cầm/ngày đêm.

4. Hỗ trợ cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ

a) Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ trên địa bàn tỉnh Lào Cai được hỗ trợ kinh phí để xây dựng cơ sở hạ tầng, mua vật tư thiết bị công nghệ. Mức hỗ trợ 60% kinh phí đầu tư, nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án.

b) Cơ sở được hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện: Có ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất; có dây chuyền, máy móc, thiết bị phù hợp với quy trình sản xuất từng loại, từng dạng phân bón; đảm bảo các điều kiện quy định về môi trường, đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật; quy mô diện tích tối thiểu 1.500 m², công suất tối thiểu 300.000 tấn/năm.

5. Cơ chế hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 13. Hỗ trợ phát triển vùng trồng chè nguyên liệu chất lượng cao

1. Nội dung, mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ trồng mới và chăm sóc thời kỳ kiến thiết cơ bản đối với chè Shan. Mức hỗ trợ 20 triệu đồng/ha, Trong đó: Hỗ trợ trực tiếp cho nông dân 19 triệu đồng để mua cây giống và vật tư phân bón; hỗ trợ hoạt động quản lý dự án 01 triệu đồng, gồm tập huấn hướng dẫn kỹ thuật, kiểm tra, nghiệm thu.

b) Hỗ trợ trồng mới và chăm sóc thời kỳ kiến thiết cơ bản đối với chè chất lượng cao để chế biến sản phẩm chè tinh chế, chè ô long. Mức hỗ trợ 30 triệu đồng/ha, Trong đó: Hỗ trợ trực tiếp cho nông dân 29 triệu đồng để mua cây giống và vật tư phân bón; hỗ trợ hoạt động quản lý dự án 01 triệu đồng, gồm tập huấn hướng dẫn kỹ thuật, kiểm tra, chỉ đạo sản xuất.

2. Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Dự án hoặc kế hoạch trồng chè nguyên liệu chất lượng cao được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; gắn với doanh nghiệp chế biến, thu mua sản phẩm chè búp tươi.

b) Cây giống đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có chứng nhận nguồn gốc xuất xứ và phải được mua từ các cơ sở có đủ điều kiện, có tư cách pháp nhân sản xuất kinh doanh giống nông nghiệp.

c) Diện tích chè trồng mới phải đảm bảo kỹ thuật, được nghiệm thu. Chăm sóc thời kỳ kiến thiết cơ bản theo tiêu chuẩn ngành: 10 TCN 446-2001 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

3. Cơ chế hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 14. Hỗ trợ phát triển vùng sản xuất cây dược liệu

1. Các tổ chức, cá nhân trồng dược liệu trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ kinh phí để mua giống, vật tư, phân bón. Mức hỗ trợ 15 triệu đồng/01 ha.

2. Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Tổ chức có quy mô trồng tối thiểu 02 ha; cá nhân, hộ gia đình là thành viên hợp tác xã hoặc tổ hợp tác có quy mô trồng tối thiểu 0,2 ha.

b) Có thỏa thuận hoặc hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

c) Hạt giống, cây giống phải có nguồn gốc xuất xứ, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và được mua từ các cơ sở có đủ điều kiện, có tư cách pháp nhân sản xuất kinh doanh giống nông nghiệp.

3. Cơ chế hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 15. Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ kinh phí làm nhà lưới, nhà kính. Mức hỗ trợ 80.000 đồng/m² nhưng không quá 500 triệu đồng/01 hộ gia đình, cá nhân; không quá 02 (hai) tỷ đồng/01 tổ chức.

2. Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Nhà kính, nhà lưới có quy mô tối thiểu 500 m²/hộ gia đình, cá nhân và 2.500 m²/tổ chức; đảm bảo kỹ thuật, phù hợp với đối tượng cây trồng.

b) Có thỏa thuận hoặc hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

3. Cơ chế hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 16. Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa

1. Hỗ trợ dự án trồng cây ăn quả

a) Tổ chức, cá nhân có dự án trồng cây ăn quả thuộc danh mục các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh được hỗ trợ 100% kinh phí mua giống, vật tư và 50% kinh phí xây dựng hệ thống tưới tiết kiệm, cải tạo, thiết kế vùng trồng mới nhưng không quá 01 (một) tỷ đồng/dự án.

b) Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ phải đáp ứng đủ các điều kiện:

Quy mô liên vùng từ 50 ha trở lên, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; cam kết thực hiện dự án đảm bảo về quy mô, chất lượng vật tư đầu vào và quy trình kỹ thuật; cây giống phải có nguồn gốc xuất xứ, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và được mua từ các cơ sở có đủ điều kiện, có tư cách pháp nhân sản xuất kinh doanh giống nông nghiệp.

2. Phát triển sản xuất cây trồng chủ lực của địa phương

a) Tổ chức, cá nhân có dự án phát triển sản xuất cây trồng chủ lực của tỉnh được hỗ trợ 100% kinh phí mua giống, vật tư và thiết bị phục vụ sản xuất nhưng không quá 10 triệu đồng/ha.

b) Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ phải đáp ứng đủ các điều kiện: Các loại cây trồng phải thuộc danh mục các sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp tỉnh; có quy mô sản xuất liên vùng từ 20 ha trở lên; cam kết thực hiện dự án đảm bảo về quy mô, chất lượng vật tư đầu vào và quy trình kỹ thuật; cây giống phải có nguồn gốc xuất xứ, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và được mua từ các cơ sở có đủ điều kiện, có tư cách pháp nhân sản xuất kinh doanh giống nông nghiệp.

3. Hỗ trợ xây dựng mới trang trại chăn nuôi

a) Tổ chức, cá nhân xây dựng mới trang trại chăn nuôi được hỗ trợ một phần kinh phí để đầu tư xây dựng chuồng trại và hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ: Trang trại quy mô nhỏ 20 triệu đồng/trang trại; trang trại quy mô vừa 50 triệu đồng/trang trại; trang trại quy mô lớn 80 triệu đồng/trang trại.

b) Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện: Chưa được hỗ trợ xây dựng mới trang trại chăn nuôi từ chính sách của tỉnh các giai đoạn trước; đảm bảo điều kiện theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với từng loại vật nuôi; đảm bảo tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; có biên bản kiểm tra của cơ quan chuyên môn cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận trang trại chăn nuôi đã thực hiện đúng các quy định của Luật Chăn nuôi.

4. Cơ chế hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 17. Hỗ trợ sản xuất giống vật nuôi

1. Hỗ trợ sản xuất giống trâu, bò:

a) Tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất giống trâu, bò được hỗ trợ kinh phí để xây dựng cơ sở hạ tầng về chuồng trại, mua trang thiết bị, xử lý chất thải, điện, nước, đồng cỏ. Mức hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư nhưng không quá 02 tỷ đồng/cơ sở.

b) Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện: Đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường; sản xuất kinh doanh giống vật nuôi, đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật; chuồng trại đảm bảo quy định theo tiêu chuẩn quốc gia trại chăn nuôi gia súc lớn; quy mô nuôi tập trung thường xuyên từ 100 con trâu, bò cái sinh sản trở lên.

2. Hỗ trợ cơ sở chăn nuôi lợn nái sinh sản tập trung

a) Tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư xây dựng cơ sở chăn nuôi lợn nái sinh sản tập trung được hỗ trợ kinh phí để xây dựng cơ sở hạ tầng về chuồng trại, mua trang thiết bị, xử lý chất thải, điện, nước. Mức hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư, nhưng không quá 02 tỷ đồng/cơ sở.

b) Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện: Đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường; sản xuất kinh doanh giống vật nuôi, đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật; chuồng trại đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học; có quy mô chăn nuôi thường xuyên từ 100 con lợn nái sinh sản trở lên.

3. Hỗ trợ xây dựng mới cơ sở chăn nuôi lợn đực để khai thác, truyền tinh nhân tạo:

a) Tổ chức, cá nhân xây dựng mới cơ sở chăn nuôi lợn đực để khai thác, truyền tinh nhân tạo được hỗ trợ kinh phí mua lợn đực giống ngoại hậu bị hoặc lợn đực giống lợn đen bản địa hậu bị và trang thiết bị để khai thác, pha chế, bảo quản tinh dịch. Mức hỗ trợ 40 triệu đồng/cơ sở.

b) Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ phải đáp ứng đủ các điều kiện: Đảm bảo điều kiện sản xuất tinh giống vật nuôi theo quy định của Luật Chăn nuôi; quy mô tối thiểu 03 con lợn đực giống đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng để khai thác tinh nhân tạo. Đối với lợn đực bản địa đã được cơ quan quản lý về chăn nuôi của cấp huyện bình tuyển chọn lọc.

4. Hỗ trợ sản xuất giống gia cầm:

a) Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất giống gia cầm được hỗ trợ kinh phí để xây dựng hạ tầng về chuồng trại, mua trang thiết bị, xử lý chất thải, điện, nước. Mức hỗ trợ 30% giá trị tổng mức đầu tư, nhưng không quá 02 tỷ đồng/cơ sở.

b) Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ phải đáp ứng đủ các điều kiện: Đảm bảo các điều kiện quy định về bảo vệ môi trường, sản xuất kinh doanh con giống, đầu tư kinh doanh theo các quy định hiện hành; chuồng trại đảm bảo đúng theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chuồng trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học; có quy mô tối thiểu sản xuất 20.000 con giống/tháng.

4. Cơ chế hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 18. Hỗ trợ phòng, chống dịch

1. Hỗ trợ tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm

a) Đối với đàn đại gia súc (trâu, bò): Hỗ trợ cấp không thu tiền các loại vắc xin đối với các bệnh phải tiêm phòng bắt buộc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Vắc xin Lở mồm long móng, Tụ huyết trùng); hỗ trợ công tiêm phòng các loại vắc xin 3.000 đồng/01 mũi tiêm.

b) Đối với đàn lợn: Hỗ trợ cấp không thu tiền các loại vắc xin đối với các bệnh phải tiêm phòng bắt buộc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Vắc xin Dịch tả, Tụ huyết trùng lợn). Riêng đối với vắc xin Lở mồm long móng, Tai xanh chỉ hỗ trợ tiêm phòng khi có dịch xảy ra.

c) Đối với gia cầm: Hỗ trợ cấp không thu tiền vắc xin cúm gia cầm để tiêm phòng cho đàn gia cầm theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

d) Phòng bệnh Đại cho đàn chó: Hỗ trợ cấp không thu tiền vắc xin Đại để tiêm phòng cho đàn chó trên địa bàn tỉnh.

đ) Cơ chế hỗ trợ: Ngân sách tỉnh hỗ trợ thông qua cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi thú y cấp tỉnh để thực hiện theo kế hoạch hàng năm.

2. Hỗ trợ vật tư, Vắc xin, hóa chất, trang thiết bị bảo hộ sinh học phục vụ cho công tác phòng, chống dịch bệnh

a) Hỗ trợ vật tư, vắc xin, hóa chất, trang thiết bị bảo hộ phục vụ cho công tác phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở động vật. Mức hỗ trợ cụ thể theo từng đối tượng bệnh và theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Điều kiện hỗ trợ: Có kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Cơ chế hỗ trợ: Ngân sách tỉnh hỗ trợ thông qua cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi thú y cấp tỉnh để thực hiện theo kế hoạch hàng năm hoặc khi có dịch phát sinh trên địa bàn.

3. Hỗ trợ tiêu hủy trâu, bò bị chết do phản ứng quá mẫn sau khi tiêm vắc xin

a) Người chăn nuôi có trâu, bò bị chết phải tiêu hủy do phản ứng quá mẫn sau khi tiêm vắc xin được hỗ trợ 45.000 đồng/kg thịt hơi.

b) Người trực tiếp tham gia tiêu hủy trâu, bò bị chết do phản ứng quá mẫn sau khi tiêm vắc xin được hỗ trợ 100.000 đồng/người/ngày, đêm đối với ngày làm việc; 200.000 đồng/người/ngày, đêm đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết.

c) Điều kiện hỗ trợ: Trâu bò chết do phản ứng quá mẫn sau khi tiêm vắc xin phải được cơ quan chuyên môn thú y cấp huyện và chính quyền địa phương cấp xã lập biên bản xác nhận, có quyết định tiêu hủy của Ủy ban nhân dân cấp huyện; người tham gia tiêu hủy phải có tên trong danh sách được chính quyền cơ sở xác nhận.

d) Cơ chế hỗ trợ: Ngân sách cấp huyện chi trả cho người sản xuất có trâu, bò bị chết phải tiêu hủy và người trực tiếp tham gia tiêu hủy.

4. Hỗ trợ cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

a) Hỗ trợ kinh phí xét nghiệm, thẩm định, đánh giá cho các cơ sở an toàn dịch bệnh. Mức hỗ trợ: 15 triệu đồng/cơ sở chăn nuôi; 15 triệu đồng/ xã, phường, thị trấn.

b) Điều kiện hỗ trợ: Có giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh được cơ quan có thẩm quyền cấp. Riêng các xã, phường, thị trấn duy trì cơ sở an toàn dịch bệnh, phải có thêm phiếu trả lời kết quả xét nghiệm hàng năm, báo cáo thẩm định của cơ quan chuyên môn.

c) Cơ chế hỗ trợ: Ngân sách tỉnh hỗ trợ thông qua cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi thú y cấp tỉnh.

Điều 19. Hỗ trợ phát triển sản xuất nuôi cá lồng trên sông, hồ

1. Hồ trợ đóng mới lồng nuôi cá trên sông, hồ. Mức hồ trợ 05 triệu đồng/01 lồng.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất đầu tư nuôi cá lồng được hồ trợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Lồng nuôi cá thuộc kế hoạch phát triển thủy sản hàng năm, được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

b) Quy mô tối thiểu từ 20 m³/01 lồng.

c) Lồng nuôi cá phải đạt tiêu chuẩn: Hệ thống khung làm bằng sắt thép hoặc tre, gỗ; hệ thống phao đỡ bằng thùng phuy nhựa, kim loại hoặc phao xốp có bọc; vách lồng làm bằng lưới nylon, lưới chất dẻo (PE, PA...), hoặc lưới sắt, mắt lưới phải đảm bảo theo quy trình nuôi đối với từng loại cá.

3. Cơ chế hồ trợ: Hồ trợ sau đầu tư.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Xây dựng kế hoạch, phân bổ kinh phí hàng năm

Hàng năm, cùng với thời điểm xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm sau, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố lập dự toán kinh phí theo nhu cầu hồ trợ, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 21. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách tỉnh; ngân sách các huyện, thị xã, thành phố; ngân sách xã, phường, thị trấn; nguồn ủng hộ đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác hồ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

Các nội dung đang thực hiện và đáp ứng quy định về ưu đãi, hồ trợ theo Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai phê duyệt triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND cho đến khi kết thúc dự án./.

CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong